

LESSON 5

学	写	日	本	字
xué	xiě	rì	běn	zì
V: study, learn	V: write	BF: Japan	BF/M: Japan/ (volume)	N: word, characters

能	请	坐	吃	饭
néng	qǐng	zuò	chī	fàn
AV: can, be able to	V: invite, request, please	V: sit	V: eat	N: rice, meal, food

会	就	以	回	问
huì	jiù	yǐ	huí	wèn
AV/BF: can / a moment	A: only, then	BF: can (<u>kěyǐ</u>)	V/M: return (a time occurrence)	V: ask